



QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 640/QĐ-SNNMT ngày 07/10/2026 của Sở Nông nghiệp và môi trường)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Kiểm lâm	Ban QLR đặc dụng và phòng hộ	Văn phòng đăng ký đất đai
1	2	3	4=5+...+13	5	6	11	13
A1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
A2	Thu dịch vụ và thu khác						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.288,1	22.288,1	1.356,4	1.500,0	10.871,7	8.560,0
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.288,1	22.288,1	1.356,4	1.500,0	10.871,7	8.560,0
1	Chi quản lý hành chính	1.968,0	1.968,0	1.968,0	-	-	-
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.968,0	1.968,0	1.968,0	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	348,0	348,0	348,0			
-	Kinh phí xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	451,0	451,0	451,0			
-	Kinh phí Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	1.000,0	1.000,0	1.000,0			
-	Kinh phí nộp lệ phí trước bạ cho xe ô tô mới	169,0	169,0	169,0			
2	Chi hoạt động kinh tế	18.820,1	18.820,1	-611,6	-	10.871,7	8.560,0
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	18.820,1	18.820,1	-611,6	-	10.871,7	8.560,0
-	Kinh phí Lâm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng theo yêu cầu của Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn	8.270,0	8.270,0				8.270,0
-	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	-20,6	-20,6	-20,6			
-	Công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính thị trấn Na Sầm	-2.196,0	-2.196,0	-2.196,0			
-	Tổng kiểm kê đất đai năm 2019	-237,0	-237,0	-237,0			
-	Công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và năm đầu của điều chỉnh quy hoạch đất	224,0	224,0	224,0			
-	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	174,0	174,0	174,0			
-	Công tác kiểm kê đất đai năm 2024	1.444,0	1.444,0	1.444,0			
-	Bảo vệ Rừng đặc dụng	7.091,7	7.091,7			7.091,7	
-	Hỗ trợ kinh phí để phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các khu rừng đặc dụng	2.500,0	2.500,0			2.500,0	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Kiểm lâm	Ban QLR đặc dụng và phòng hộ	Văn phòng đăng ký đất đai
-	Điều chỉnh, bổ sung Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng đặc dụng Hữu Liên, Mẫu Sơn, giai đoạn 2026 - 2030	600,0	600,0			600,0	
-	Điều chỉnh, bổ sung phương án quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng Bắc Sơn, giai đoạn 2021 – 2030.	213,0	213,0			213,0	
-	Xây dựng Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng đặc dụng Bắc Sơn, giai đoạn 2026 - 2030	467,0	467,0			467,0	
-	Kinh phí thực hiện xây dựng đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	290,0	290,0				290,0
3	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-
4	Sự nghiệp Khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-
5	Sự nghiệp môi trường	-	-	-	-	-	-
6	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.500,0	1.500,0	-	1.500,0	-	-
6.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Mã Chương trình MTQG: 0100	1.500,0	1.500,0		1.500,0		